

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021.

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thuận.

Ông Ma Thịnh Tuyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 188/2020/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXX - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 14, thôn 1, xã EaKao, tHnh phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm KT, xã QK, huyện Đ, Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã EaKao, tHnh phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Trước khi kết hôn, anh và chị H có quen biết và tự nguyện tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 06 tháng, được sự đồng ý của hai gia đình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn anh và chị H sống tại gia đình anh tại xã EaKao, tHnh phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Mẫu thuẫn bắt đầu xảy ra từ khoảng cuối năm 2011. Nguyên nhân mâu thuẫn do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, 02 con chung còn nhỏ, việc chi tiêu sinh hoạt Hng ngày khó khăn, chị H không tập trung làm ăn, anh khuyên bảo thì chị H không nghe, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Khi xảy ra xô xát do nóng giận nên anh có dùng tay tát chị H 1 đến 2 lần. Từ khoảng cuối năm 2012 thì chị H bỏ về huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Anh chị không quan tâm gì đến nhau nữa, nay anh không còn yêu thương, quan tâm đến chị H nữa, kiên quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Trương Thị Kim Hồng, sinh ngày 11/10/2008 và Trương Thị Hồng Ngọc, sinh ngày 02/11/2011.

Từ năm 2012 chị H đưa cháu Ngọc bỏ về tỉnh Thái Nguyên, nhưng do chị H thường xuyên vắng nH, không quan tâm, chăm sóc cháu Ngọc nên từ tháng 6 năm 2020 anh đón cháu Ngọc từ xóm KT, xã QK, huyện Đ (nơi cư trú của chị H) vào xã EaKao, tHnh phố BMT, tỉnh Đắk Lắk để trực tiếp nuôi dưỡng đến nay. Anh đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng tHnh, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H thường xuyên vắng nH, không quan tâm chăm sóc con chung, còn anh có nơi ở, có đất canh tác, có thu nhập ổn định nên anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn chị H.

Về tài sản chung: Anh và chị H chỉ mua sắm được một số đồ dùng có giá trị nhỏ phục vụ sinh hoạt Hng ngày, hiện nay đã hư hỏng nhiều nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị Nguyễn Thị H để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của chị H trước pháp luật. Tuy nhiên, chị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để anh S và chị H đoàn tụ, cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Nhưng anh S giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và có đơn xin vắng mặt, chị H vắng mặt không đến để tham gia phiên họp và hòa giải, không có lý do. Do vậy, Tòa án không tiến Hnh hòa giải được, các đương sự cũng không thống nhất được với nhau việc giải quyết vụ án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Nguyễn Thị H vắng mặt không lý do, anh Trương Văn S vắng mặt, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) và giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến Hnh tố tụng và việc chấp Hnh pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ các quy định của pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù đã được Tòa án thông báo nhấn tin, tổng đạt, niêm yết văn bản theo đúng quy định. Do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử

vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn S, cho ly hôn giữa anh Trương Văn S và chị Nguyễn Thị H; Về con chung: Giao 02 cháu Trương Thị Kim H, sinh ngày 11/10/2008 và Trương Thị Hồng N, sinh ngày 02/11/2011 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H, do anh S không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án trong vụ án đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2, Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án chị H không đến Tòa án để làm việc, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, anh S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trương Văn S và chị Nguyễn Thị H được tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa anh S và chị H nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế khó khăn nhưng chị H không tập trung làm ăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, anh S góp ý khuyên bảo thì chị H không nghe, khi xảy ra mâu thuẫn, xô xát thì anh S có đánh chị H nhiều lần. Đến khoảng cuối năm 2012 chị H bỏ về huyện Đ, tỉnh

Thái Nguyên. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2012 đến nay. Nay anh S không còn yêu thương, quan tâm đến chị H nữa, cương quyết xin được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh S kiên quyết xin ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh S. Cho anh S được ly hôn với chị H là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân tHnh phố BMT, tỉnh Đắk Lắk có xác nhận của trưởng thôn 1, xã EaKao, tHnh phố BMT, tỉnh Đắk Lắk nơi anh S và chị H chung sống sau khi kết hôn thì địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H, do anh S không báo với chính quyền địa phương.

[2.2] Về con chung: Anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trương Thị Kim H, sinh ngày 11/10/2008 và Trương Thị Hồng Ng, sinh ngày 02/11/2011, không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền để nuôi con chung.

Từ khi anh S và chị H ly thân, Anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hồng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngọc. Do chị H thường xuyên vắng nH, không quan tâm, chăm sóc cháu Ngọc nên từ tháng 6 năm 2020 anh S đón cháu Ngọc từ xóm KT, xã QK, huyện Đ (nơi cư trú của chị H) vào xã EaKao, tHnh phố BMT, tỉnh Đắk Lắk để trực tiếp nuôi dưỡng. Nay cả hai cháu đang ở với anh, các cháu đang học Hnh ổn định tại xã EaKao, tHnh phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Việc giao con chung của cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục phải xem xét đến điều kiện của cả hai anh chị và đảm bảo sự phát triển ổn định của các cháu. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã không đến Tòa án để giải quyết, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần. Tòa án đã thông báo nhắc tin và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của chị H trước pháp luật nhưng chị H vẫn vắng mặt. Mặt khác, hiện nay cả hai con chung của anh S và chị H đang sinh sống và học tập cùng anh S, do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Để bảo đảm cho con chung của anh chị được nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục đầy đủ cho phát triển cả về thể chất và tinh thần. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh S, giao hai con chung là cháu cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Anh S không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Các Điều 39; 147; 227; 228; 238; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn S.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. *Về con chung:* Giao 02 cháu Trương Thị Kim H, sinh ngày 11/10/2008 và Trương Thị Hồng Ng, sinh ngày 02/11/2011 cho anh Trương Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom mà không ai được cản trở. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H do anh S không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung:* Anh Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Anh Trương Văn S phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ NH nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005217 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã EaKao, T.P BMT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Giang